TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **133**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2023
V/v "Ly hôn giữa bà M với ông H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Lê Văn Đạo.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa*:** Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 306/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2023/QĐST–HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **D Thị M,** sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* **Phạm Văn H,** sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rạch Gừa, xã PL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/7/2023, bản tự khai ngày 07/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn D Thị M trình bày:

Bà D Thị M với ông Phạm Văn H tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng vào năm 1996. Thời gian đầu, vợ cH chung sống có hạnh phúc nhưng đến tháng 01 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ cH bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, ông H thường

xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, vợ cH đã ly thân từ tháng 01/2014 cho đến nay. Hiện tại, bà M không còn tình cảm vợ cH với ông H nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Phạm Thị D T, sinh ngày 01/02/1987, Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 09/3/1990 và Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 04/10/1994. Các con chung đã thành niên, nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 07/8/2023, biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Văn H trình bày:

Nguyên nhân vợ cH mâu thuẫn là do làm ăn thất bại, nuôi tôm thất, do đó khi ông H nói chuyện với bà M có lớn tiếng, ông H co ghen tuông nhưng không có đánh đập hay làm chuyện gì gây hậu quả lớn, ông H về nhà có kêu cửa, bà M không mở cửa nên có lớn tiếng, tuy nhiên ông H cam kết sửa chữa để vợ cH đoàn tụ. Chính vì lẽ đó, bà M yêu cầu ly hôn, ông H không đồng ý, lý do ông H vẫn còn tình cảm vợ cH với bà M.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Phạm Thị D T, sinh ngày 01/02/1987, Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 09/3/1990 và Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 04/10/1994. Các con chung đã thành niên, nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ cH bà M và ông H có tài sản chung, ông H sẽ nộp đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà M và ông H có nợ chung, ông H yêu cầu chia đôi nợ chung theo quy định của pháp luật.

*** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn D Thị M thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Phạm Văn H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà D Thị M đối với ông Phạm Văn H.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Phạm Thị D T, sinh ngày 01/02/1987, Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 09/3/1990 và Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 04/10/1994. Các con chung đã thành niên, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận, ông H khai có một số tài sản chung, tuy nhiên tại Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 139/2023/YCGNTLCC ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre về việc yêu cầu ông H phải giao nộp bổ sung các tài liệu, chứng cứ: Danh sách họ tên, năm sinh và địa chỉ nơi đang sinh sống của các chủ nợ mà ông Phạm Văn H vay nợ (Có xác nhận của chính quyền địa phương về việc xác nhận địa chỉ đăng ký thường trú và đang sinh sống của các chủ nợ); Liệt kê số tiền còn thiếu của từng chủ nợ; Liệt kê tất cả các tài sản yêu cầu chia, tuy nhiên quá thời hạn theo quy định, ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trong trường hợp ông H có yêu cầu chia tài sản chung của vợ cH sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Về nợ chung: Bà M khai không có, ông H không cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ các chủ nợ nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn D Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà D Thị M với ông Phạm Văn H cưới nhau vào năm 1987, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng, huyện BĐ nên quan hệ hôn nhân giữa bà M với ông H được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ cH phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Bà M yêu cầu ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ, cH giữa bà M với ông H đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ cH bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau và đã ly thân từ tháng 01/2014 cho đến nay. Hiện tại, bà M không còn tình cảm vợ cH với ông H, đồng thời quyết tâm ly hôn. Ông H trình bày còn thương bà M, tuy nhiên trong suốt quá trình tố tụng, ông H không có

biện pháp hàn gắn tình cảm vợ cH, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa, không quan tâm đến kết quả xét xử. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ cH giữa bà M với ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Phạm Thị D T, sinh ngày 01/02/1987, Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 09/3/1990 và Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 04/10/1994. Các con chung đã thành niên, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà M yêu cầu tự thỏa thuận, ông H yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên tại Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 139/2023/YCGNTLCC ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre yêu cầu ông H liệt kê tất cả các tài sản yêu cầu chia, tuy nhiên quá thời hạn theo quy định, ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết, đồng thời ông H có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà M khai không có, ông H khai có nợ chung và yêu cầu chia đôi nợ chung, tuy nhiên không cung cấp họ tên, năm sinh và địa chỉ nơi đang sinh sống của các chủ nợ, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà D Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà D Thị M đối với ông Phạm Văn H.

Cho ly hôn giữa bà D Thị M với ông Phạm Văn H.

Quan hệ hôn nhân giữa bà D Thị M với ông Phạm Văn H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Phạm Thị D T, sinh ngày 01/02/1987, Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 09/3/1990 và Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 04/10/1994. Các con chung đã thành niên, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà D Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007433 ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, bà D Thị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự bà D Thị M, ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã Bình Thắng (Số 85, ngày 15/10/1996);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi